



Số: 10/2025/CBTT-HVS

(V/v: Công bố BCTC giữa niên độ
năm 2025 đã được soát xét)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, số 2 Phố Liễu Giai, phường Công Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 38869999 Fax: (84-24) 36888886
- Người thực hiện công bố thông tin: **Văn Lê Hằng** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán HVS Việt Nam (Công ty) công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và giải trình liên quan (chi tiết tại file đính kèm)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <https://hvs.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP./.

Người thực hiện công bố thông tin



CHỦ TỊCH HĐQT

Văn Lê Hằng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 27



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cổng Vĩ, số 2 phố
Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc ngày 30/6/2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Văn Lê Hằng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Trịnh Bình Long	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Mai Ngọc Anh	Trưởng ban
Ông Dư Bá Phước	Thành viên
Bà Vũ Thị Hòa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/4/2025)
Bà Ngô Thị Hồng Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tiền Quốc Việt	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 06/8/2024 theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ/HĐQT-HVS ngày 06/8/2024 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 86/GPĐC-UBCK ngày 21/11/2024 là bà Văn Lê Hằng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cổng Vĩ, số 2 phố
Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc ngày 30/6/2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 02/2024/UQ/CTHĐQT-HVS ngày 17/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2025

Số: 166/2025/RSMHN-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam****Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07/8/2025 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 27. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 1.1 "Hình thức sở hữu vốn", theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 101/GPĐC-UBCK ngày 23/12/2024, trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội (địa chỉ hành chính mới Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội). Công ty đang làm thủ tục cần thiết để thay đổi địa trụ sở chính trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Như trình bày tại Thuyết minh 4.8 "Vốn chủ sở hữu", theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TTr-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, nâng tổng số vốn điều lệ lên 300.195.980.000 VND. Các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng vào ngày 12/5/2025. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2025, vốn điều lệ của Công ty là 300.195.980.000 VND.

Các vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến kết luận của Kiểm toán viên.



Lê Đại Dương

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.242.012.952	8.632.799.914
I. Tài sản tài chính	110		252.243.448.564	8.437.567.704
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	21.031.712.228	7.583.247.704
1.1. Tiền	111.1		11.031.712.228	7.583.247.704
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		10.000.000.000	-
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.2	230.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu	117		1.094.109.587	-
3.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4.3	1.094.109.587	-
3.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.094.109.587	-
4. Trả trước cho người bán	118		117.626.749	354.320.000
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	500.000.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		998.564.388	195.232.210
1. Tạm ứng	131		179.462.930	160.461.853
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.4	819.101.458	34.770.357
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.839.123.508	2.284.481.901
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.313.153.862	1.143.932.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	6.064.351.779	1.143.932.522
Nguyên giá	222		6.344.577.446	1.193.440.246
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(280.225.667)	(49.507.724)
2. Tài sản cố định vô hình	227		248.802.083	-
Nguyên giá	228		285.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(36.197.917)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		760.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		1.765.969.646	1.140.549.379
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	4.6	602.801.600	602.801.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.4	1.163.168.046	537.747.779
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.081.136.460	10.917.281.815

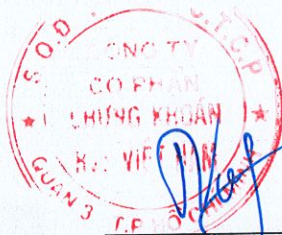
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.113.148.862	884.707.083
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.113.148.862	884.707.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.7	768.709.610	474.250.464
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		31.908.005	23.744.805
3. Phải trả người lao động	323		271.467.588	305.942.075
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		539.600	539.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		38.604.059	75.822.139
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.920.000	4.408.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.8	260.967.987.598	10.032.574.732
I. Vốn chủ sở hữu	410		260.967.987.598	10.032.574.732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.195.980.000	50.200.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.195.980.000	50.200.000.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.195.980.000	50.200.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	417		(39.227.992.402)	(40.167.425.268)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.081.136.460	10.917.281.815

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		30.019.598	5.020.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			-	-



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 8 năm 2025

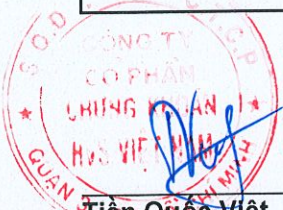
Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		5.1	4.036.338.080	201.406.319
1.1. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		1.136.338.080	201.406.319
1.2. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.900.000.000	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		4.036.338.080	201.406.319
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		5.2	594.011.945	-
2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		594.011.945	-
Cộng chi phí hoạt động	40		594.011.945	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			25.987.628	1.255.766
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		25.987.628	1.255.766
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		25.987.628	1.255.766
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			-	-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	5.3	2.510.177.758	258.687.274
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		958.136.005	(56.025.189)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	31		-	800.000
8.2. Chi phí khác	32		4.094.009	210.532.950
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(4.094.009)	(209.732.950)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN/(LỖ) TRƯỚC THUẾ	90		954.041.996	(265.758.139)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	5.4	14.609.130	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN/(LỖ) SAU THUẾ TNDN	200		939.432.866	(265.758.139)
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		939.432.866	(265.758.139)
13.1. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.8.4	79,44	(52,94)
13.2. Thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		79,44	(52,94)



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 8 năm 2025

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

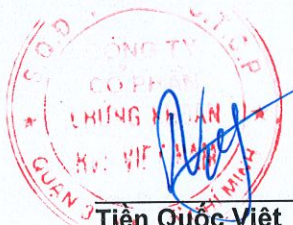
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	5.4	954.041.996	(265.758.139)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.6	236.915.860	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(25.987.628)	(1.255.766)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		1.164.970.228	(267.013.905)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(230.000.000.000)	10.800.000.000
- (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(1.094.109.587)	107.868.494
- Giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		500.000.000	-
- (Tăng) các khoản phải thu khác	39		179.442.174	(129.401.328)
- (Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(37.218.080)	(51.497.000)
- (Tăng) chi phí trả trước	42		(1.409.751.368)	(1.546.898)
- (Giảm) phải trả cho người bán	45		(465.540.854)	(2.300.000)
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(6.445.930)	1.000.000
- (Tăng) phải trả người lao động	48		(34.474.487)	(300.000)
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50		(2.488.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(231.205.615.904)	10.456.809.363
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(5.367.887.200)	-
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		25.987.628	1.255.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(5.341.899.572)	1.255.766
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	4.8	249.995.980.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		249.995.980.000	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	90		13.448.464.524	10.458.065.129
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	4.1	7.583.247.704	179.919.217
Tiền	101.1		7.583.247.704	179.919.217
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	4.1	21.031.712.228	10.637.984.346
Tiền	103.1		11.031.712.228	637.984.346
Các khoản tương đương tiền	103.2		10.000.000.000	10.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			-	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng			-	-
III. Tiền và cá khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng			-	-



Tiền Quốc-Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 8 năm 2025

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập

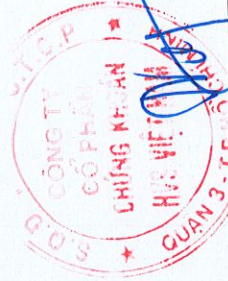
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM
Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị,
số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2025		06 tháng đầu năm 2025		06 tháng đầu năm 2024		30/6/2025	
		Tại ngày	Tại ngày	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại ngày	Tại ngày
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.8								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.200.000.000	50.200.000.000	249.995.980.000	-	-	-	300.195.980.000	50.200.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.200.000.000	50.200.000.000	249.995.980.000	-	-	-	300.195.980.000	50.200.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(40.167.425.268)	(39.049.371.693)	939.432.866	-	(265.758.139)	-	(39.227.992.402)	(39.315.129.832)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(40.167.425.268)	(39.049.371.693)	939.432.866	-	(265.758.139)	-	(39.227.992.402)	(39.315.129.832)
Cộng		10.032.574.732	11.150.628.307	250.935.412.866	-	(265.758.139)	-	260.967.987.598	10.884.870.168
II. Thu nhập toàn diện khác									
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Đơn vị tính: VND



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 8 năm 2025

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 99/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/12/2008 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/5/2025 để điều chỉnh vốn điều lệ từ 50.200.000.000 VND lên 300.195.198.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 300.195.980.000 VND, chia thành 30.019.598 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 31 đường số 9, khu dân cư Nam Long, tổ 7B, khu phố 1, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 101/GPĐC-UBCK ngày 23/12/2024, trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội (địa chỉ hành chính mới Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, số 2 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội). Công ty đang làm thủ tục cần thiết để thay đổi địa trụ sở chính trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 25 người (tại ngày 01/01/2025 là 19 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán ban đầu, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Theo Quyết định số 720/QĐ-UBCK ngày 30/8/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã tạm thời bị rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Đến thời điểm lập Báo cáo này, căn cứ theo Điểm 6, Điều 3 Quy chế thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 01/11/2023, Công ty được phép đăng ký lại nghiệp vụ trên sau năm (05) năm kể từ ngày nêu trên. Công ty vẫn chưa đăng ký hoạt động môi giới trở lại, do đó, ngành nghề chính của Công ty là "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Bản quyền, phần mềm;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí vận hành máy chủ;
- Chi phí trả trước khác.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

**Thời gian sử dụng ước tính
(năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị

05
03 - 08

3.8 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Doanh thu hoạt động

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.12 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí quản lý công ty chứng khoán phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý công ty chứng khoán (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty chứng khoán; Chi phí công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý công ty chứng khoán; Thuế môn bài; Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách).

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.14 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Hoạt động kinh doanh tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	11.031.712.228	7.583.247.704
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.031.456	1.031.456
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển		
- Chi nhánh Đông Đô	896.441.163	6.274.056.722
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Đông Hà Nội	10.134.239.609	1.308.159.526
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	10.000.000.000	-
Cộng	21.031.712.228	7.583.247.704

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 02 tháng với lãi suất 4,1%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Tại ngày 30/6/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	230.000.000.000	230.000.000.000	-	-
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000	-	-

(i) Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 30/6/2025 (VND)	Lãi suất (%)	Thời hạn gửi (tháng)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	130.000.000.000	4,8	06
- Chi nhánh Đông Hà Nội			
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	100.000.000.000	4,9	06
- Chi nhánh Đông Đô			

4.3 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.094.109.587	-
Cộng	1.094.109.587	-

(i) Đây là lãi dự thu của các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn được trình bày tại Thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền" và Thuyết minh 4.2 "Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.4 Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	9.214.029	5.518.322
Bản quyền, phần mềm	169.812.046	4.293.000
Chi phí vận hành máy chủ	583.485.649	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	56.589.734	24.959.035
Cộng	819.101.458	34.770.357
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	612.629.574	515.561.554
Chi phí sửa chữa văn phòng	374.768.503	-
Phần mềm	14.991.900	18.177.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	160.778.069	4.008.325
Cộng	1.163.168.046	537.747.779

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	86.223.102	1.107.217.144	1.193.440.246
Mua sắm	-	5.151.137.200	5.151.137.200
Tại ngày 30/6/2025	86.223.102	6.258.354.344	6.344.577.446
HAO MÔN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	287.410	49.220.314	49.507.724
Khấu hao	8.621.382	222.096.561	230.717.943
Tại ngày 30/6/2025	8.908.792	271.316.875	280.225.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	85.935.692	1.057.996.830	1.143.932.522
Tại ngày 30/6/2025	77.314.310	5.987.037.469	6.064.351.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.6 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Đông Đô (i)	597.801.600	597.801.600
Công ty CP Di chuyển xanh và Thông minh (GSM) (Xanh SM)	5.000.000	5.000.000
Cộng	602.801.600	602.801.600

(i) Đây là khoản tiền đặt cọc tiền thuê văn phòng tại Tầng 4, Khối 5 tầng của Trung tâm thương mại Dịch vụ Cổng Vĩ tại Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Cổng Vĩ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội theo Phụ lục số 05, kèm theo Hợp đồng số 08C/2024/HĐTMB/ĐĐ-HVS ngày 23/4/2024, kỳ hạn 05 năm kể từ ngày 01/11/2024.

4.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Đông Đô	-	263.032.702
Công ty CP Công nghệ và Thương mại Nam Hải	-	60.272.500
Công ty CP Xây dựng và Nội thất Nhị Hà	-	55.088.620
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Tài chính	760.000.000	-
Các đối tượng khác	8.709.610	95.856.642
Cộng	768.709.610	474.250.464

Toàn bộ các khoản phải trả người bán trên là số Công ty có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.8 Vốn chủ sở hữu

4.8.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	50.200.000.000	(39.049.371.693)	11.150.628.307
(Lỗ) trong năm	-	(1.118.053.575)	(1.118.053.575)
Tại ngày 31/12/2024	50.200.000.000	(40.167.425.268)	10.032.574.732
Tại ngày 01/01/2025	50.200.000.000	(40.167.425.268)	10.032.574.732
Góp vốn (i)	249.995.980.000	-	249.995.980.000
Lãi trong kỳ	-	939.432.866	939.432.866
Tại ngày 30/6/2025	300.195.980.000	(39.227.992.402)	260.967.987.598

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TTr-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, nâng tổng số vốn điều lệ lên 300.195.980.000 VND. Các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng vào ngày 12/5/2025. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2025, vốn điều lệ của Công ty là 300.195.980.000 VND.

4.8.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Bà Văn Lê Hằng	272.611.330.000	90,81	45.587.180.000	90,81
Bà Ngô Thị Thủy	14.709.600.000	4,90	2.459.800.000	4,90
Bà Lê Như Hoa	12.875.050.000	4,29	2.153.020.000	4,29
Cộng	300.195.980.000	100	50.200.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.8 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.8.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2025 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.019.598	5.020.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.019.598	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.019.598	5.020.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.019.598	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.019.598	5.020.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.8.4 Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	939.432.866	(265.758.139)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	11.825.446	5.020.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	79,44	(52,94)

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Doanh thu hoạt động

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Từ tài sản tài chính HTM (i)	1.136.338.080	201.406.319
Từ cung cấp dịch vụ tư vấn chứng khoán	2.900.000.000	-
Cộng	4.036.338.080	201.406.319

(i) Đây là tiền lãi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn được trình bày tại Thuyết minh 4.2 "Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)" và Thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền".

5.2 Chi phí hoạt động

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán (i)	594.011.945	-
Cộng	594.011.945	-

(i) Đây là các chi phí nhân viên thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

5.3 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.042.872.226	193.670.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	84.762.139	11.114.102
Chi phí khấu hao tài sản	236.915.860	-
Thuế và các khoản lệ phí	5.000.000	3.000.000
Chi phí thuê văn phòng	789.098.112	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.273.734	22.500.000
Chi phí khác bằng tiền	11.255.687	28.403.172
Cộng	2.510.177.758	258.687.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết hoạt động giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	954.041.996	(265.758.139)
Các khoản điều chỉnh	4.094.009	215.332.950
Chi phí không được trừ	4.094.009	215.332.950
Thu nhập chịu thuế TNDN	958.136.005	(50.425.189)
Chuyển lỗ tính thuế của kỳ trước	(885.090.353)	-
Thu nhập tính thuế của kỳ	73.045.652	(50.425.189)
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	14.609.130	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	14.609.130	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	14.609.130	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.5 Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ kỳ tiếp theo sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong kỳ và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2025 VND	Chuyển lỗ trong kỳ VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 30/6/2025 VND
2024	2029	Chưa QT	885.090.353	885.090.353	885.090.353	-	-
Cộng lỗ tính thuế			885.090.353	885.090.353	885.090.353	-	-

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo tờ khai thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

5.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân công	1.636.884.171	193.670.000
Chi phí thuê văn phòng	789.098.112	-
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	84.762.139	11.114.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.915.860	-
Thuế và các khoản lệ phí	5.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.273.734	22.500.000
Chi phí khác bằng tiền	11.255.687	28.403.172
Cộng	3.104.189.703	258.687.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	1.689.785.856	1.498.489.344
Trên 01 năm đến 05 năm	7.827.215.616	8.735.874.048
Cộng	9.517.001.472	10.234.363.392

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 408 m² tại Tầng 4, Khối 5 tầng của tòa nhà Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị tại Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội với giá thuê được mô tả tại bảng dưới đây. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với Công ty Cổ phần Đông Đô, thời hạn từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2029.

Giai đoạn	Giá thuê (VND/tháng) (chưa bao gồm thuế GTGT)
Năm thứ 1 (từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2025)	119.560.320
Năm thứ 2 (từ ngày 01/11/2025 đến ngày 31/10/2026)	151.443.072
Năm thứ 3 (từ ngày 01/11/2026 đến ngày 31/10/2027)	183.325.824
Năm thứ 4 (từ ngày 01/11/2027 đến ngày 31/10/2028)	199.267.200
Năm thứ 5 (từ ngày 01/11/2028 đến ngày 31/10/2029)	219.193.920

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với các bên liên quan:

Cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Bà Văn Lê Hằng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.200.000.000	-
Tư vấn đầu tư chứng khoán	1.200.000.000	-
Cộng	1.200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Nhận vốn góp

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Nhận vốn góp	249.995.980.000	-
Bà Văn Lê Hằng	227.024.150.000	-
Bà Ngô Thị Thủy	12.249.800.000	-
Bà Lê Như Hoa	10.722.030.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	-	-
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	168.080.000	60.000.000
Ông Tiền Quốc Việt	168.080.000	-
Bà Phạm Thị Giang	-	60.000.000
Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát	-	-
Cộng	168.080.000	60.000.000

Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 30/6/2025, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025.

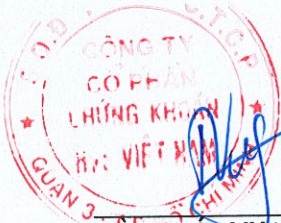
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 8 năm 2025

Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Nhung
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**

Số 09 /CV/HVS-2025
V/v: Giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu
năm 2025 tăng hơn 10% so với 6 tháng
đầu năm 2024 và KQKD chuyển từ lỗ
sang lãi.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 4, Trung tâm thương mại dịch vụ Cống Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, phường Ngọc
Hà, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 388 69 999

Fax:

Công ty Cổ phần chứng khoán HVS Việt Nam giải trình sự biến động Doanh thu, Lợi
nhuận tại Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 so với 6 tháng đầu năm 2024 hơn 10% và
KQKD chuyển từ lỗ sang lãi như sau:

Đơn vị tính: đồng

1	Doanh thu hoạt động	4,036,338,080	201,406,319	3,834,931,761	1904%
2	Chi phí hoạt động	594,011,945	-	594,011,945	100%
3	Doanh thu tài chính	25,987,628	1,255,766	24,731,862	1969%
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,510,177,758	258,687,274	2,251,490,484	870%
6	Chi phí khác	4,094,009	210,532,950	(206,438,941)	-98%
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	954,041,996	(265,758,139)	1,219,800,135	459%
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	14,609,130	-	14,609,130	100%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	939,432,866	(265,758,139)	1,205,191,005	453%

Giải trình: Tỷ lệ doanh thu hoạt động 6 tháng đầu năm 2025 tăng cao hơn khá nhiều so
với tỷ lệ chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ năm 2024.
Điều này dẫn đến LN 6 tháng đầu năm 2025 lãi và tăng hơn 10% so với 6 tháng đầu năm 2024.

Công ty cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Xiên Quốc Việt